

Chiều cuối năm trên bước đường hành quân

*Với một son chè nhỏ
một khoanh nhang muỗi tròn
anh cúng đưa năm cũ
trên tấm gỗ con con*

*quân đóng bên bờ kinh
những tấm lều xinh xinh
trong chiều loang nắng nhạt
nghe lạnh bước dăng trình*

*Làm thân trai lính chiến
còn mất ai hay đâu
ra đi đành xa hết
nhớ thương nối nhịp cầu*

*Rồi mua chiều nắng sớm
trong đêm lạnh sương mờ
núi rừng anh lặn lội
ngày về còn trong mơ*

*Xuân đến rồi em nhỉ
đời anh những chuyến đi
thương nhớ em nhiều lắm
em ơi đừng buồn chi*

*Vì chưa tròn sự nghiệp
đất nước chưa thái bình
anh còn đi đi mãi
đêm tiếp nối bình minh*



Mơ ngày mai một sớm
đất nước đẹp hiền hòa
anh trở về quê cũ
trên đầu súng nở hoa

Nhưng súng còn nhả đạn
lửa khói ngút trời nam
anh còn xa em mãi
thương nhờ từ dặm ngàn

Em hỡi người em gái
áo trắng đẹp trường xưa
mắt thơ ngây non dại
gắng chờ em nhớ chưa

Nguyễn Trần



Thú Chơi Câu Đối Của Người Xưa

Trong văn học sử nước ta, khi nho học còn thịnh hành, chơi câu đối là một thú vui tao nhã được rất nhiều người hâm mộ.



Tuy chỉ có hai vế đối đáp ngắn ngủi và sử dụng một số ít từ ngữ chọn lọc, câu đối lại là xuất xứ của nhiều tác phẩm tuyệt vời và của nhiều cuộc đua tài đấu trí vô cùng hào hứng.

Tiếc rằng từ ngày nho học suy tàn, câu đối dần dần vắng tiếng và cho đến ngày nay thì dường như đã lui hẳn vào dĩ vãng.

Tuy nhiên, trong những dịp đón mừng xuân, nhiều người Việt hoài cổ thường có thói quen sưu tầm tài liệu cũ để tìm lại một chút dư âm đã từng vang bóng một thời.

Nhắc tới câu đối, ít ai quên được mấy trường hợp đặc biệt với lối chơi chữ rất độc đáo, vừa hay, vừa khéo cả về hình thức lẫn nội dung.

Theo sự tìm hiểu của người viết, câu đối có ba loại: ứng khẩu, chiết tự và hai nghĩa.

1) Câu đối ứng khẩu:

Trong trường hợp này, câu đối xuất của người ra câu đối có thể do ngẫu hứng và cũng có thể đã được soạn thảo từ trước, nhưng câu đối đáp thì ngược lại, phải mau lẹ, kịp thời và đúng lúc. Vì vậy, hầu hết những câu đối đáp đều là “xuất

khẩu thành chương” và nhiều câu còn được lưu truyền đến ngày nay như truyện đi sứ của cụ Mạc Đĩnh Chi, câu đối đáp dí dỏm giữa trạng Quỳnh và bà Đoàn thị Điểm, cũng như rất nhiều câu đối trong hoàng triều và trong dân gian đã làm cho văn học của nước ta thêm phần phong phú.

a) Truyện đi sứ của cụ Mạc Đĩnh Chi:

Được vua Trần Anh Tông cử đi sứ sang Tàu, Cụ Mạc Đĩnh Chi đã áp đảo người Tàu trong mọi cuộc đua tài đấu trí qua những câu chuyện được truyền tụng dưới đây:

Ngay khi sứ bộ của ta tới biên giới, người Tàu đóng chặt quan ải và đòi sứ bộ của ta muốn vào nước Tàu phải đối lại một câu đã treo sẵn ngoài cửa ải:

“Quá quan trì, quan quan bế, nguyện quá khách quá quan.”
Tạm dịch là: “Qua cửa trễ, cửa quan đóng, mời quá khách qua cửa.”

Không chần chừ, cụ Mạc Đĩnh Chi đáp lại:

“Xuất đối dị, đối đối nan, thỉnh tiên sinh tiên đối.”

Tạm dịch: “Ra câu đối dễ, đối lại khó, mời tiên sinh đối trước.”

Người Tàu muốn làm khó dễ sứ bộ của ta nên cố nghĩ ra câu đối hóc hiểm, lắt léo, không ngờ cụ Mạc Đĩnh Chi đáp lại dễ dàng và mau chóng khiến họ vô cùng khâm phục và phải mở cửa ải đón mời sứ bộ thông quan.

Cũng từ ngày đó, câu “xuất đối dị đối đối nan” trở thành thông dụng trong văn học nước ta.

Lần khác, vào một buổi sáng tại kinh đô nước Tàu, cụ Mạc Đĩnh Chi tới yết kiến viên Thừa Tướng. Hôm đó, nhằm vào hạ tuần nên mặt trăng chưa lặn và giống như hình cánh cung mờ nhạt dưới ánh mặt trời trong buổi sáng mai, viên Thừa-tướng muốn thử tài Trạng nguyên nước Việt, mượn cảnh trăng tà để ra câu đối:

“Nhật hỏa vân yên, bạch đán thiêu tàn ngọc thạch.”

Tạm dịch:

“Mặt trời là lửa, mây là khói, ngày sáng thiêu cháy mặt trăng.”

Câu nói của viên thừa tướng của một nước Tàu to lớn đối thoại với sứ thần của một Việt Nam nhỏ bé thì hiển nhiên có một ngụ ý rất kiêu căng và ngạo mạn. Viên tướng Tàu muốn ám chỉ nước Tàu là mặt trời, nước Việt ta là mặt trăng nên họ nắm quyền sinh sát.

Cụ Mạc Đĩnh Chi đáp lại:

“Nguyệt cung tinh đạn, hoàng hôn xạ lạc kim ô.”

Tạm dịch: “Mặt trăng là cung, sao là đạn, chiều vàng bắn rụng mặt trời.”

Rõ ràng cụ Mạc Đĩnh Chi muốn phản bác lại rằng nước ta tuy nhỏ nhưng thừa sức đánh bại nước Tàu cũng như mặt trăng có thể dớt bóng mặt trời vào buổi hoàng hôn.

Câu đối đáp thật là tuyệt vời, chữ đối chữ, ý đối ý, vừa nêu cao hùng khí của dân tộc, vừa dạy cho viên thừa tướng Tàu một bài học khiêm nhường lịch sự.

Vào một hôm khác, trong khi cụ Mạc Đĩnh Chi cưỡi lừa dạo chơi ngoài phố vô tình đụng phải người Tàu cưỡi ngựa. Anh ta bị té đau nên nổi giận mắng rằng:

“Xúc ngã kỵ mã, đông chi di nhân, tây chi di nhân.”

Tạm dịch là: “Chạm ngựa ta cưỡi, man di phương đông hay man di phương tây.”

Cụ Mạc Đĩnh Chi ứng khẩu đáp:

“Át dĩ thừa lư, nam vi cường giả, bắc vi cường giả.”

Tạm dịch: “Chấn lừa ta đi, mạnh người phương nam hay mạnh người phương bắc.” Không ngờ gặp ông đập lưng ông, người Tàu hổ thẹn bỏ đi không dám gây sự nữa.

b) Đối đáp giữa ông Quỳnh và bà Điểm:

Nhắc đến hai nhân vật này, có lẽ nhiều vị đều biết truyện ông Quỳnh không đối lại được câu: “da trắng vỗ bì bạch” nên không được xem bà Diễm tẩm. Tuy nhiên, ông Quỳnh đã không chịu thua trong nhiều lần khác.

Một buổi tối, ông Quỳnh lên vào phòng bà Diễm và leo lên giường nằm. Khi bà Diễm quạt màn đi ngủ thì dựng ngay ông Quỳnh. Vừa để chữa thẹn, vừa để chế nhạo, bà Diễm đã ứng khẩu:

“Trướng nội vô phong phạm tự lập.”

Tạm dịch: “Trong màn không có gió mà cột buồm tự dựng lên.”

Ông Quỳnh đáp lại:

“Sàng trung bất vũ thủy trường lưu.”

Tạm dịch là: “Giữa giường chẳng có mưa mà nước cứ chảy.”

Bà Diễm biết ông Quỳnh đang ham truyện càn rỡ nên ứng khẩu trách móc:

“Cây xương rồng trồng đất rắn, long lại hoàn long.”

Ông Quỳnh đáp lại:

“Quả dưa chuột tuột thẳng gang, thử chơi thì thử.”

Trong câu của bà Diễm Rồng và rắn là chữ nôm, long có nghĩa là rồng trong chữ Hán, và trong câu đối lại của ông Quỳnh chuột và gang là chữ nôm, thử là con chuột trong chữ Hán. Ta thấy câu đối đáp của ông Quỳnh rất tài tình. Ông Quỳnh đã khéo dùng chữ đối chữ, nghĩa đối nghĩa. Nhưng không ai biết bà Diễm ưng thuận hay cự tuyệt lời lẽ lả lơ khêu gợi dụ dỗ bà của ông Quỳnh.

c) Đối đáp giữa nhà sư và cô thôn nữ:

Một nhà sư và chú tiểu trên đường về chùa thấy cô thôn nữ và con trâu đang cấy ruộng. Tuy chân lấm tay bùn nhưng rất khỏe mạnh và hấp dẫn, hai ống quần xắn cao để lộ cặp đùi no tròn khêu gợi. Đối cảnh sinh tình, nhà sư chợt động tâm và

ngâm rằng:

“Ngưu nữ tại trung điền, nhất môn hứng tiền, nhất môn hậu.”

Tạm dịch là:

“Trâu và gái cây giữa ruộng, một cửa hướng về trước, một cửa hướng về sau. Thôn nữ nghe thấy câu nói còn nặng mùi trần tục của một nhà tu nên ứng khẩu đáp:

“Sư tiểu hành ngoại lộ, lưỡng đầu chỉ địa, lưỡng đầu thiên.”

Tạm dịch là: “Sư và tiểu đi ngoài đường, hai đầu chỉ xuống đất, hai đầu chỉ lên trời.” Câu đáp vịnh hai thầy trò rất khéo và ý rất thâm khi lấy hai đầu của nhà sư và chú tiểu để đối lại với hai cửa của thôn nữ và con trâu cái.

Biết là đã đùa bỡn không đúng chỗ, nhà sư và chú tiểu vội rào bước để chôn tránh tiếng cười chế nhạo từ dưới ruộng vọng lên.

d) Đối đáp giữa ông Bảng Uyển và anh học trò nghèo:

Ông Bảng Uyển là một vị thâm nho, văn hay chữ tốt, nhưng có tiếng là keo kiệt. Ai muốn xin chữ của ông thì dù thân hay sơ, giàu hay nghèo cũng phải nộp tiền trước.

Một hôm có anh thanh niên lạ mặt xin yết kiến. Anh ta khai là học trò nghèo bị lỡ độ đường nên xin giúp đỡ. Để từ chối khéo, ông ra điều kiện là anh học trò phải đối lại một câu của ông, nếu đối được thì có tiền, ngược lại phải bị đòn nếu không đối được. Anh học trò vâng chịu.

Ông Bảng Uyển ứng khẩu một câu rất hiểm hóc và tin chắc anh học trò phải xin lấy xin tha:

“Đoạt Triệu bích, bạt Triệu kỳ, Triệu tốt bất tri Hàn kick Triệu.”

Tạm dịch: “Chiếm thành nước Triệu, nhổ cờ nước Triệu mà binh lính Triệu chẳng hay biết là Hàn Tín đánh Triệu.”

Ông Bảng Uyển có ý chê anh học trò là vô danh tiểu tột, bị đánh đòn đến nơi mà không biết bằng cách mượn truyện nước Triệu đời Tây Hán bị mất 7 thành bằng một trận đánh

thần tốc của Hàn Tín theo đường bí mật khiến quân Triệu không kịp đề phòng. Trái với dự đoán của ông Bảng Uyển, anh học trò lập tức đổi lại:

“Nhập Tần cung, trừ Tần pháp, Tần dân đại hỉ Hán hưng Tần.”

Tạm dịch: “Vào cung nhà Tần, loại trừ pháp luật nhà Tần, nhân dân mừng thấy nhà Hán lên thay nhà Tần.” Đây là truyện Lưu Bang tiến quân vào kinh đô nhà Tần, lật đổ nhà Tần và loại trừ luật pháp tàn bạo của nhà Tần. Anh học trò mượn truyện này với ngụ ý rằng anh ta vào nhà ông Bảng Uyển để loại trừ thói hư tật xấu của ông.

Câu đối đáp rất tài tình, cả về hình thức lẫn nội dung khiến ông Bảng Uyển phải khen phục và vui vẻ mở rộng hầu bao để chi viện cho một người không quen biết.

e) Đối đáp giữa Hàn Tôn Quyền và Nguyễn Công Trứ

Hàn Tôn Quyền và Nguyễn Công Trứ là bạn đồng liêu nhưng không hợp tính nhau nên thường có những bất đồng. Một hôm hai ông cùng dự dạ tiệc với nhiều thân hữu. Vì tất cả đều là khoa bảng xuất thân nên câu chuyện văn chương được bàn luận sôi nổi và cởi mở. Đang lúc Trứ say sưa hùng biện thì ông Quyền lớn tiếng ngâm rằng:

“Quân tử ố kỳ văn chi quý ngài.”

Nguyên văn câu này trong kinh sách là: “Quân tử ố kỳ văn chi trứ” có nghĩa là “người quân tử không thích nghe văn chương hào nhoáng.” Ở đây chữ “trứ” đồng âm với tên của ông Nguyễn Công Trứ nên ông Quyền đổi thành quý ngài có ý nhắc khéo ông Trứ rằng người quân tử không thích nghe văn chương của của ngài đâu.

Biết ông Quyền sỗ ngọt, ông Trứ ứng khẩu:

“Thánh nhân bất đắc dĩ dụng cụ lớn.”

Nguyên văn trong kinh sách viết: “Thánh nhân bất đắc dĩ dụng quyền.” Tạm dịch: “Bậc thánh nhân bất đắc dĩ mới dùng

đến quyền lực.” Ta thấy ở đây chữ “quyền” đồng âm với tên ông Hà Tôn Quyền và được ông Trú đổi thành “cụ lớn” để nói với ông Quyền rằng thánh nhân bất đắc dĩ lắm mới phải dùng đến cụ đó thôi.

Thật đúng là chuông khánh chọi nhau. Cả hai câu đối và đáp đều ngụ ý châm biếm, chỉ chích qua lại, nhưng lối chơi chữ tài tình mau lẹ đã không làm mất hào khí mà còn giúp cho buổi tiệc thêm vui vẻ, hào hứng.

2) Câu đối triết tư.

Đây là một lối chơi chữ rất tỷ mỉ và tinh vi. Trong cả hai vế đối thường có nhiều chữ ghép lại tạo thành một chữ mới. Nhiều khi có những chữ phân tách ra thành từng phần hoặc từng nét, rồi thêm bớt, thay đổi để cài biến thành nghĩa khác nhưng không làm mất ý nghĩa của câu. Thông thường ra câu đối tương đối dễ hơn câu đáp lại. Với câu đối triết tư, ra câu đã khó, đáp lại càng khó hơn. Tuy vậy, nếu có nhiều khó khăn hiểm hóc thì ta lại thấy nhiều tài tình và khéo léo. Điển hình như những câu truyện dưới đây.

a) Đối đáp giữa cụ Mạc Đĩnh Chi và người Tàu:

Khi đi sứ sang Tàu, trong một dạ tiệc ở phủ Thừa tướng có nhiều nhân vật quan trọng và hầu hết đều là những nhà trí thức tài cao học rộng. Trong khi mọi người đang thưởng thức các món ăn ngon, một thực khách nâng cao ly rượu làm bằng gỗ kỹ, một loại danh mộc, và ngâm rằng:

“Kỹ dĩ mộc, bôi bất mộc, như hà dĩ kỹ vi bôi.”

Tạm dịch là: “Kỹ là gỗ, chén chẳng phải gỗ, tại sao lấy kỹ làm chén.” Theo triết tư, chữ “kỹ” là do chữ “dĩ” ghép với chữ “mộc” và chữ “bôi” cũng là chữ ghép của chữ “bất” và chữ “mộc.”

Trong khi mọi người chưa có ý kiến, cụ Mạc Đĩnh Chi lên tiếng đáp:

“Tăng tăng nhân, Phật phát nhân, văn hồ tăng tăng sự Phật.”

Tạm dịch: “Tăng là người, Phật chẳng phải là người, mà lại là tăng thờ Phật.”

Theo triết tự, chữ “tăng” là chữ “tăng” ghép với chữ “nhân”, và chữ “Phật” do chữ “phát” ghép với chữ “nhân.”

Tất cả quan khách đều đồng thanh ca ngợi câu đối đáp thật là tuyệt diệu.

Trong một dạ tiệc khác, có người Tàu ra câu đố rằng:

“An khử nữ dĩ thi vi gia.”

Theo triết tự, chữ “an” bỏ chữ “nữ” và thay thế bằng chữ “thi” thì thành chữ “gia.”

Cụ Mạc Đĩnh Chi đáp lại:

“Tù xuất nhân lập vương thành quốc.”

Theo triết tự, ta thấy chữ “tù” thay thế chữ “nhân” bằng chữ “vương” thì thành chữ “quốc.”

Cử tọa đều khen hay, nhưng có một nhà lý số chê câu đối đáp không có hậu và đoán rằng sau này con cháu cụ Mạc Đĩnh Chi sẽ có người lên ngôi vua nhưng không được lâu dài khi thấy 4 chữ “lập vương thành quốc” và chữ “quốc” viết tắt. Không biết nhà lý số này thực có tài hay chỉ đoán mò theo tử húng. Nhưng quả nhiên hơn 200 năm sau, Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê, lập lên nhà Mạc và chỉ làm chủ đất nước 65 năm ngắn ngủi.

b) Đối đáp giữa trang Hiền và sứ giả triều đình:

Đầu đời nhà Trần, Nguyễn Hiền ở Nam Định thi đậu Trạng nguyên lúc mới 12 tuổi. Triều đình thấy ông còn thơ ấu nên tạm thời cho về quê nhà chờ đến tuổi trưởng thành mới trọng dụng.

Trong thời gian này, người Mông Cổ đã làm chủ nước Tàu và bắt đầu giao thiệp với nước ta. Có một lần, viên sứ thần Mông Cổ đến vấn an vua Trần Thái Tông và xin vua cho ý kiến về một bài thơ không tựa đề như sau:

Lưỡng nhật bằng đầu nhật,
Tứ sơn điền đảo sơn,
Lưỡng vương tranh nhất quốc,
Tứ khẩu tung hoành gian.

Tạm dịch là:

Hai mặt trời cùng ở ngang đầu,
Bốn núi lẫn nhau cùng đảo ngược,
Hai vua cùng tranh một nước,
Bốn miệng cùng ngang dọc một nơi.

Đức vua và bá quan đã phân tách và bàn luận kỹ lưỡng nhưng không tìm được lời giải đáp nên phải về Nam Định để hỏi ý kiến trạng Hiền.

Sứ giả tới nơi trong lúc trạng Hiền đang chơi đùa với bọn trẻ chăn trâu ở đầu làng. Vì được nghe danh trạng nguyên thần đồng đã lâu nên nhân dịp này muốn được thấy rõ danh bất hư truyền, sứ giả gọi bọn trẻ lại và hứa sẽ thưởng cho ai đối lại được câu đối của ông:

“Tự là chữ, bỏ giằng đầu chữ tử là con, con ai con nấy.”
Theo triết tự, chữ “tự” có một giằng đầu ở trên chữ “tử”, nếu bỏ giằng đầu, chữ “tự” thành chữ “tử.”

Một cậu bé ứng khẩu đáp lại:

“Vu là chung, vứt ngang lưng chữ đình là đứa, đứa nào đứa này.”

Như ta biết, chữ “vu” là chữ “đình” với một nét ngang ở giữa, nếu bỏ nét ngang ở giữa này, chữ “vu” trở thành chữ “đình.” Sứ giả biết ngay đứa trẻ này là Trạng Hiền.

Khi về tới nhà, sứ giả xuất trình bài thơ của sứ thần Mông Cổ. Trạng Hiền xem xong, lấy bút phê ngay một chữ “điền” và giải thích như sau:

“Lưỡng đầu bằng đầu nhật” có nghĩa nếu ghép hai chữ “nhật” bằng đầu nhau ta có chữ “điền.”

“Tứ sơn diên đảo sơn” có nghĩa là nếu ta ghép 4 chữ “sơn” cái nọ ngược với cái kia, ta cũng có chữ “diên.”

“Lưỡng vương tranh nhất quốc” là do hai chữ “vương” ghép lại, chữ này cắt ngang chữ khác để cho ta chữ “diên.”

“Tứ khẩu tung hoành gian” là ghép 4 chữ “khẩu” ngang dọc ở cùng một chỗ, ta sẽ có chữ “diên.”

Vậy là bài thơ của sứ thần Mông Cổ vịnh chữ “diên.”

Bài giải đáp của Trương Hiền đã bảo vệ được danh dự của triều đình và đồng thời nói cho sứ thần Mông Cổ rằng Việt Nam ta không thiếu nhân tài.

c) Đối đáp giữa ông Quỳnh và quan Bảng nhỡn:

Thời còn hàn vi, ông Quỳnh ở gần trường học của một quan Bảng nhỡn. Ngài có cô con gái rất xinh đẹp nên ông Quỳnh hay dòm ngó trêu ghẹo. Quan Bảng biết chuyện, nên sai người bắt ông Quỳnh vào hỏi tội. Ông Quỳnh một mực kêu oan và biện minh rằng ông chỉ loanh quanh ngoài trường để nghe giảng kinh sách vì nhà ông nghèo không có tiền mua giấy bút đi học.

Nghe nói ông là học trò nghèo, ông Bảng liền bắt ông phải đối lại một câu như sau:

“Thằng quỷ ôm cái đầu đứng cửa khôi nguyên.”

Theo triết tự, chữ “quỷ” ghép với chữ “đầu” thành chữ “khôi.”

Không cần suy nghĩ, ông Quỳnh đáp lại:

“Cái mộc tựa cây bàng dòm nhà Bảng Nhỡn.”

Theo triết tự, chữ “mộc” ghép với chữ “bàng” thành chữ “bàng.” Nhờ ứng đối tài tình và mau lẹ, ông Quỳnh đã chuyển bại thành an vì quan Bảng không trừng phạt mà còn ngợi khen ông đối đáp rất hay.

d) Đối đáp giữa ông Phạm Đình Trọng và Nguyễn Hữu

Cầu: Hai ông Trọng và Cầu đều là học trò giỏi cùng học một thầy, nhưng tính nết khác nhau. Ông Trọng rất nghiêm trang và khiêm tốn, còn ông Cầu thì rất kiêu căng và hiếu động.

Một hôm, ông Cầu cao hứng thách thức ông Trọng đối lại một câu rằm:

“Ngọc tàng nhất điểm xuất vi chúa nhập vi vương.”

Tạm dịch là: Ngọc dấu đi một chấm, ra là chúa vào là vua. Theo triết tự, chữ “ngọc” có ba nét ngang, một nét dọc ở giữa và một dấu chấm ở bên cạnh. Nếu bỏ dấu chấm và kéo nét dọc ở giữa nhô lên khỏi nét ngang trên cùng ta có chữ “chúa,” và kéo nét dọc ở giữa lui vào trong ta có chữ “vương.” Ông Trọng đáp rằng:

“Thổ triệt bán hoành, thuận giả thượng nghịch giả hạ.”
Tạm dịch là “chữ thổ bỏ nửa nét ngang, thuận ở trên nghịch ở dưới.” Theo triết tự, chữ “thổ” có hai nét ngang và một nét dọc ở giữa, nếu ta bỏ nửa nét ngang trên thì chữ “thổ” thành chữ “thượng” nếu để thuận và chữ “hạ” nếu để ngược. Câu đáp của ông Trọng rất khéo léo còn ngụ ý khuyên ông Cầu làm sao cho phải đạo.

Về sau, ông Cầu tự xưng là Thống Quốc Bảo Dân Đại Tướng Quân, cầm đầu đám giặc cỏ quấy phá vùng duyên hải tỉnh Hải Dương. Ông Trọng làm quan trong phủ chúa Trịnh Doanh, được cử đi dẹp loạn đã bắt được ông Cầu giải về kinh đô trị tội.

e) Đối đáp giữa ông Nguyễn Tâm và nhà phú hộ: Ông Nguyễn Tâm nhà nghèo, học giỏi nhưng thi mãi không đậu. Đang khi buồn cho số phận, lại nghe có một nhà phú hộ kén rể hay chữ nên ông Tâm đánh bạo tìm đến cầu hôn và được ông phú hộ vui vẻ đón vào nhà, lúc đó đã có 2 người tới trước và được giới thiệu là hai vị cử nhân tân khoa. Cả 3 người đều được mời dùng trà nước trên bộ trường kỷ sang trọng. Ông phú hộ ra điều kiện rằng ông sẽ chọn người nào đối được trước tiên câu sau đây:

“Ba sỹ ngồi một kỹ, đội đức Thuấn Nghiêu.”

Như ta biết Thuấn Nghiêu là 2 triệu đại thịnh trị thời cổ Trung quốc.

Ông Tâm lanh trí đáp ngay:

“Một bách sách hai cung, đáng tài Lý Bật.”

Theo triết tự, chữ “bách” có hai chữ “cung” ở hai bên là chữ “bật,” và Lý Bật là một danh tướng đời nhà Đường. Ông phú hộ khen hay và giữ lời chọn ông tâm làm rể.

Nhiều người biết truyện đều khen ông Tâm tốt số, tuy “tiểu đẳng khoa” thất bại nhưng lại được “đại đẳng khoa” nhờ lòng ưu ái của ông phú hộ mến chuộng văn chương.

f) Đối đáp giữa vua Duy Tân và viên cố đạo người Pháp

∴ Vua Duy Tân nổi tiếng thông minh ngay từ thừa thiếu thời. Năm ngài lên 12 tuổi, có một cố đạo người Pháp yết kiến. Người cố đạo này thông thạo cả Việt ngữ cũng như Hán văn, và từng nghe hoàng tử thần đồng nên đề nghị vua Duy Tân đối lại một câu nửa chữ nôm, nửa chữ Hán như sau:

“Rút ruột ông vua, tam phân thiên hạ.”

Theo triết tự, chữ “vương” là vua có 3 nét ngang và một nét dọc ở giữa. Nếu lấy bỏ nét dọc của chữ “vương” đi, ta thấy chỉ còn 3 nét ngang tức là chữ “tam.” Viên cố đạo muốn ám chỉ rằng vua Duy Tân bị bắt buộc phải phân đất nước ra làm 3 kỳ: Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ. Vua Duy Tân ứng khẩu đáp ngay cũng bằng một câu nửa chữ nôm, nửa chữ Hán:

“Chặt đầu thẳng tây, tứ hải giai huynh.”

Theo triết tự, chữ “tây” là chữ “tứ” có 2 nét ngang và một nét dọc trên đầu. “Chặt đầu thẳng tây” có nghĩa là vứt bỏ 2 nét ngang và một nét dọc trên đầu chữ “tây” này đi, ta có chữ “tứ.” Nhà vua muốn ám chỉ rằng giết được giặc Pháp thì đất nước sẽ thống nhất, bốn bề là anh em một nhà. Câu đối

đáp rất tài tình và không ai ngờ được trước mặt một người Pháp nhiều thế lực mà cậu bé 12 tuổi dám mạnh dạn nói câu “chặt đầu thằng tây” hầu bày tỏ nhiệt tình tranh đấu dành độc lập và thống nhất cho tổ quốc.

3) Trường hợp câu đối hai nghĩa.

Trong trường hợp này, câu đối bao giờ cũng có 2 nghĩa khác nhau, nghĩa thứ nhất có nghĩa đen rất rõ ràng dễ hiểu, trái lại, nghĩa thứ hai có nghĩa bóng tác giả cần phải giải thích từng nhân vật, từng trường hợp hoặc từng hoàn cảnh làm nảy sinh ra câu đối thì mới thấy dụng tâm của tác giả.

Thông thường nghĩa thứ 2 là những lời đùa bỡn, châm biếm, đôi khi bới móc số xiên nhưng nhờ lối chơi chữ tài tình khéo léo nên lời lẽ đôi khi thô tục, bỉ ổi cũng trở thành tế nhị, sâu sắc. Điển hình như những câu truyện sau đây:

a) Câu đối vịnh quốc nạn của một tù nhân năm Quý Mùi (1883):

Giữa lúc dân ta bị thảm bại cả về quân sự lẫn chính trị nên phải chịu sự đô hộ của người Pháp, thì hai quan phụ chánh đại thân trong triều chuyên quyền phế lập, giết hại công thần, làm cho nhân tâm ly tán, khiến tình thế càng ngày càng nguy ngập không cách cứu vãn.

Bấy giờ trong nhà tù ở Huế, một phạm nhân viết lên tường 2 câu như sau:

“Nhất giang lưỡng quốc nam phân thuyết”

“Tứ nguyệt tam vương triệu bất tường.”

Tạm dịch là:

“Một sông hai nước khôn đường nói”

“Bốn tháng ba vua triệu chẳng lành.”

Một sông là sông Hương, hai nước là nước ta và nước Pháp. Triều đình ta ở bên hữu ngạn sông Hương, và tòa Khâm sứ và đồn binh Pháp ở bên tả ngạn. Bốn tháng ba vua là 3 đời

vua trong vòng 4 tháng, từ tháng 6 đến tháng 10 năm Quý Mùi (1883): Vua Dực Đức lên ngôi ngày 16 tháng 6 rồi bị truất phế 3 ngày sau. Vua Hiệp Hòa lên ngôi ngày 20 tháng 6 để rồi bị đầu độc chết ngày 6 tháng 10. Vua Kiến Phúc lên kế vị ngày 7 tháng 10. Hai câu này trình bày những biến cố bất lợi xảy ra ở kinh đô Huế, nhưng 2 chữ “Thuyết” và “Tường” ở cuối câu thứ nhất và thứ hai cho ta thấy dụng tâm của tác giả muốn kết tội hai ông Tường và Thuyết đã gây ra thảm họa cho đất nước.

b) Câu đối mừng ông hành khát lên lão 80.

Thủa còn trẻ, ông này rất nghèo nên hàng ngày phải đi ăn xin. Nhưng ông cố dành dụm của bố thí, lâu ngày tích lũy thành một số vốn rồi gặp vận may, buôn bán phát đạt, mua được ruộng vườn nhà cửa. Ông lấy vợ, sinh được 2 con trai đều thi đỗ làm quan to.

Đến năm ông lên lão 80, hai con tổ chức lễ bát tuần khánh thọ rất long trọng để báo hiếu cha già. Có người mừng ông hai câu đối:

Bị phúc như công thiên hạ hữu,

Bát tuần khánh thọ thế gian vô.

Tạm dịch là:

Đủ phúc như ông thiên hạ có

Tám mươi mừng thọ thế gian không.

Mới nghe ta thấy mấy câu này có nhiều điểm không hợp lý vì trên thế gian này không nhiều thì ít vẫn có người thọ tới tám chín mươi tuổi. Tuy nhiên, hai chữ “bị” và “bát” ở đầu 2 câu dùng để ám chỉ ông bố xuất thân là ăn mày, do đó mới thấy lời chúc mừng rất thâm thúy và xác đáng vì trên thế gian này không dễ có ăn mày ăn mừng bát tuần khánh thọ.

c) Câu đối vinh cảnh chùa và nhà thờ.

Vào đầu thế kỷ 19, các giáo sỹ tây phương được tự do

truyền bá đạo Thiên Chúa ở nước ta. Nhưng trong buổi giao thời không thể tránh khỏi nhiều bất đồng ý kiến giữa hai bên lương giáo, cho nên thường có những lời chỉ trích và bài bác lẫn nhau. Một hôm, hai anh bạn không cùng tín ngưỡng rủ nhau đi du ngoạn. Họ chợt nghe phía trước có tiếng chuông vang lên và ngân nga rồi tan biến dần vào cõi xa xăm. Cả hai đều để ý quan sát và nhận ra một ngôi chùa cổ kính nằm ở giữa cánh đồng vắng vẻ ẩn hiện sau lũy tre xanh. Hai con rồng chầu mặt nguyệt nằm dài trên mái ngói màu đen, khi mờ khi tỏ dưới bóng hoàng hôn làm cho cảnh chùa hiu quạnh thêm phần huyền bí thiêng liêng.

Anh bạn theo đạo Thiên Chúa càng nhìn càng thấy chướng tai gai mắt nên buột miệng ngâm rằng:

“Sư ở chùa ngoài, tiểu ở đây vãi ở đây.”

Anh kia là Phật tử đang say sưa ngoạn cảnh thì bị cụt hứng vì câu nói bóng gió sỗ xiên nên bực mình đáp lại:

“Cụ vào phòng kín, sỗ vào ngay cha vào ngay.”

Ngày xưa, ngoài Bắc Việt quen gọi:

Tiểu là nam nữ thanh thiếu niên mới xuất gia quy Phật, Vãi là sư nữ, Cụ là Linh mục già, Cha là Linh mục trẻ và Sỗ là gì phước. Nếu theo nghĩa đen thì câu đối không có gì đặc sắc, nhưng theo nghĩa bóng thì 4 chữ “Tiểu”, “Vãi”, “Sỗ” và “Cha” cho thấy thâm ý của cả 2 câu là những lời châm biếm thô tục và thâm độc.

e) Câu đối mừng cô Tư Hồng.

Cô Tư Hồng là một mẹ tây nổi tiếng giàu sang ở Hà Nội vào đầu thế kỷ 20. Cô là con gái một ông phó lý ở nông thôn, bị viên chánh tổng sỗ tại bất ép làm nàng hầu nên phải bỏ trốn đi nơi khác. Không may bị bọn buôn người lừa gạt, dụ dỗ vào ở lầu xanh, mấy năm sau bị đem bán cho một sĩ quan Pháp ở Hà Nội để vừa làm đầy tớ, vừa làm vợ khi cần (thời bấy giờ gọi là mẹ tây).

Tuy là gái quê ít học nhưng cô Tư Hồng rất khôn ngoan tháo vát nên cô biết lợi dụng tiền bạc và thế lực của người chồng hờ để kinh doanh. Nhờ đó, cô Tư Hồng mau chóng gây dựng được một gia tài to lớn.

Một năm, khi được tin miền Trung bị đói khát vì bão lụt, cô Tư Hồng chở ngay 3 tấn gạo vào bán kiếm lời, nhưng việc không thành mà còn vi phạm luật pháp vì có lệnh cấm buôn bán, đầu cơ tích trữ lương thực. Để khỏi bị trừng phạt, cô tình nguyện hiến tặng cả 3 tấn gạo cho những vùng bị thiên tai. Nhờ vào nghĩa cử bất đắc dĩ này, cô Tư Hồng được triều đình Huế ban cho 4 chữ vàng “Ngũ phẩm nghi nhân.”

Năm sau, cô dùng tiền bạc lo cho ông bố phó lý được tặng phong hàm ngũ phẩm, và cô được thăng lên hàm tứ phẩm, ngang hàng với các quan đầu tỉnh. Trong đại lễ mừng quốc ân gia khánh, bố con cô nhận được rất nhiều lời chúc mừng, nhưng nổi tiếng nhất là 2 câu đối nôm sau đây:

- Câu đối của cụ Tam Nguyên Yên Đổ:

“Có tàn, có tán, có nhan án thờ vua, danh giá lừng vang
ba sáu tỉnh”

“Này cờ, này biển, này sắc phong cho cụ, chị em phụ nữ
mấy lăm người.”

Câu đối mở đầu bằng 4 chữ “có tàn, có tán” là lời khen ngợi cô Tư Hồng phú quý vinh hiển, nhưng cũng ngụ ý chế giễu cô là cô gái lâu xanh vì dân gian quen gọi những cô gái này là “đĩ có tàn có tán” nó nôm na là đĩ rạc đĩ rài. Dùng 4 chữ “có tàn có tán” để chúc mừng cô Tư Hồng thật là hợp tình hợp cảnh.

- Câu đối mừng của ông phó Bảng Trần Tấn Bình:

“Ngũ phẩm sắc phong hàm cụ lớn,”

“Trăm năm danh giá của bà to.”

Câu trên tặng ông bố phó lý 3 chữ “hàm cụ lớn” là lời

chúc mừng nhưng cũng ám chỉ đến cái mồm loa mép giải, ăn tục nói khoác của dân tổng lý ở nông thôn. Câu sau tặng cô Tư Hồng 3 chữ “của bà to” là lời khen ngợi nhưng cũng ám chỉ đến cái phượng tiện độc nhất để kiếm tiền của gái lầu xanh. Những người biết rõ thân thế và sự nghiệp của bố con cô Tư Hồng đều phải nhìn nhận 3 chữ “của bà to” thật hay nhưng cũng thật độc.

f) Câu đối vinh cô Ngọc Hồ:

Vào khoảng thập niên 30 của thế kỷ 19, ở Hà Nội có một cô gái giang hồ nổi tiếng giàu và đẹp là cô Ngọc Hồ. Khác với cô Tư Hồng xuất thân là gái quê, cô Ngọc Hồ thuộc dòng dõi thế gia vọng tộc, cha ruột đỗ Cử nhân làm quan Án sát, bố chồng đỗ Tiến sĩ làm quan Tuần phủ. Cô Ngọc Hồ rất xinh đẹp nhưng lãng mạn đa tình. Sau khi chồng chết, cô không muốn bị gò bó trong khuôn khổ nho giáo nghiêm khắc nên tự ý bỏ nhà ra Hà nội hầu được sống tự do phóng túng, sau trở thành gái giang hồ sang trọng và đắt giá. Vì vậy, cô là đề tài của nhiều lời đàm tiếu, trong đó có hai câu rất xuất sắc của ông Hồ Trọng Hiếu tức là nhà thơ Tú Mỡ:

“Hồ tà ngán nổi con rồng lộn”

“Ngọc vết thương tình kẻ cố đeo.”

Nhiều người cho rằng ông Hồ Trọng Hiếu chính là truyền nhân của nữ sĩ Hồ Xuân Hương nên mới có biệt tài sáng tác những câu 2 nghĩa vô cùng độc đáo, từng nổi danh trên thi văn đàn là “thi trung hữu quý.”

4) *Mấy câu đối xuất chưa có câu đáp.*

Chơi câu đối thích thú nhất là khi đối lại được những câu khó khăn hiểm hóc, cũng như người chơi cờ nghĩ ra nước cao để gỡ được thế bí. Tuy nhiên, có nhiều câu quá khó khăn, xưa nay chưa có ai đối lại được như mấy câu sau đây:

a) *Câu đối của vua Minh Mạng:*

Trong một khoa thi hội dưới thời Minh Mạng, ba ông Phạm Thế Lịch, Phạm Thế Hiển, và Ngô Thế Vinh cùng đậu Tiến sĩ. Khi ban yến lộc cho các tân khoa, vua Minh Mạng ra một câu đối: “

Thế Lịch, Thế Hiển, Thế Vinh, tam thế đồng khoa, Vinh, Hiển, Lịch.”

Tạm dịch là: “Thế Lịch, Thế Hiển, Thế Vinh, ba ông thế cùng đỗ một khoa, vinh quang, hiển đạt, lịch lãm.”

b) Câu đối hân đời của ông đồ làng Sào Long:

Ở làng Sào Long có một ông đồ rất hâm mộ thi phú, một ông lý trưởng tên là Chuối rất hách dịch, tàn bạo, nổi tiếng là cường hào ác bá. Một hôm, không biết vì lý do gì, ông đồ bị ông lý trưởng Chuối nọc ra giữa sân đình đánh một trận rất đau. Vừa xấu hổ, vừa căm tức, nhưng thân cô thế cô, ông đồ chỉ biết than thở một mình, chợt nghĩ ra một câu hân đời rất đặc ý tiếc là không tìm được câu đối đáp. Vì vậy, ông đồ ước hẹn sẽ tôn làm thầy bất cứ ai đối lại câu của ông:

“Bến Sào Long có tổ rồng rồng, phải anh chuối ra tình nheo nhóc.”

Câu này có nhiều điểm khó. Thứ nhất, theo Hán tự, sào long nghĩa là tổ rồng. Thứ hai, câu đối dùng tên của nhiều loại cá như: “Tổ rồng rồng” là đàn cá mới nở, nổi trên mặt nước như một đàn kiến đen, “chuối” là cá lóc lớn và “nheo, nhóc” là hai loại cá có ngạnh trên đầu, sống trên các hang hốc bên bờ sông.

c) Câu đối nói lái, vừa Hán, vừa nôm.

Nghe nói câu này của bà Đoàn Thị Điểm và chỉ có 4 chữ:

“Rửa qua quả dưa.”

Câu này có 2 điểm khó đối: thứ nhất, hai chữ “rửa qua” nói lái là “quả dưa”, thứ hai, theo Hán tự, chữ “qua” có nghĩa là quả dưa.

d) Câu đối vừa Pháp vừa Việt:

Từ đầu thế kỷ 20, các khóa sinh phải học thêm tiếng Pháp vì trong khóa thi Hương có một bài tiếng Pháp. Bấy giờ ở Nam Định có một giai nhân tên là Công bán giấy bút cho các sĩ tử.

Mỗi năm, có khoa thi, cô lại treo một câu đối kén chồng chỉ có 4 chữ:

“Cô Công còn kén.”

Câu này có điểm khó là theo tiếng Pháp, “cocon” được đọc là “cô công” và có nghĩa là cái kén.

Nay nhân mùa xuân, mùa của thi hứng, nên thỉnh cầu các thi văn sĩ lựa lời đối lại mấy câu trên để cho đồng hương cùng thưởng thức.

Nguyễn Đình Bình

Australia 2003





XUÂN ĐẸP VÔ CÙNG

Mẹ ơi, xuân đến, Xuân đang đến
Con vẫn bôn ba, vẫn xứ người
Vẫn bút, con làm gương, chiến đấu
Vẫn thâm hẹn mẹ một ngày vui

Hai vai con nặng hờn sông núi
Vì nợ non sông chữa trả đền
Nên chẳng xuân nào vui trọn vẹn
Xuân nào thương nhớ cũng vô biên !

Mẹ ơi, những gốc đào năm cũ
Hoa nở nhiều không? Nở đẹp không ?
Đàn én có còn nghiêng cánh đậu
Hay hoa tàn héo, én sang sông ?!

Bàn thờ mẹ có bày hương khói ?
Cặp bánh chưng xanh, chậu quất vàng...
Túi mẹ có còn phong giấy đỏ
Mừng con thêm tuổi lúc xuân sang ?

Hay là tất cả đều hư mục
Trong lớp sơn tô, lớp vỏ màu
Khẩu hiệu chói lòà, che ý thức
Đủ hình, đủ kiểu mị lừa nhau ?

Bao năm viễn xứ, đêm trừ tịch
Con khóc cùng thơ “Hồ Nhớ Rừng”
Mẹ cúng Giao Thừa, giờ phút ấy
Thần giao cách cảm có rưng rưng ...?

Từ con mấy chục năm xa nước
Thương mẹ chờ mong đã mỗi mòn
Những kẻ ra đi vì hận nước
Biết còn bao nhĩ tấm lòng son ?

Mẹ ơi, đừng trách bầy gian hiểm
Mê cái hư danh bán rẻ hồn
Ôm bả tiên tài, quặng đạo nghĩa
Học đòi phản bội cả quê hương!

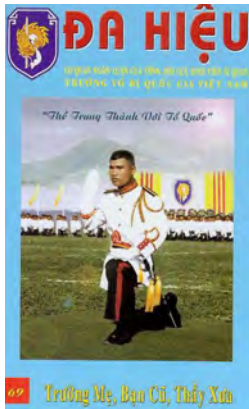
Cũng may, còn những lòng son sắt
Tở quốc muôn đời ở trái tim
Mẹ có nghe không hồn nước gọi
Người và người tỉnh giấc oan khiên!

Một ngày mẹ ọ, không xa nữa
Cờ sẽ vàng bay khắp núi sông
Con mẹ sẽ về bên cạnh mẹ
Mùa Xuân vì thế, đẹp vô cùng!

Ngô Minh Hằng
(Thương mến gửi về Mẹ Việt Nam)



Thực... Mộng



Ấu Tím / 26B

Nhà triển lãm văn hoá người tị nạn gốc Việt năm 2103 .

Trong một hộp kính trong suốt , trên chiếc kệ gỗ bọc nhung đỏ , quyển sách được đặt trang trọng . Bìa màu xanh thiên thanh đậm , có hình người thanh niên mặc áo trắng, quần đen sọc đỏ, quì trên gối phải, giơ tay thề hứa, hai chữ Đa Hiệu đậm nét trang trọng , hàng chữ vàng Trường Mẹ, Bạn Cũ, Thầy Xưa dưới tấm hình .

Người thanh niên chăm chú đứng ngắm nghía quyển sách đã được gìn giữ trăm năm . Anh lấy chiếc máy điều khiển từ xa , mở màn hình trắng to trên vách tường trước mặt, đằng sau hộp kính . Trên màn hình quyển sách được mở ra . Anh đọc lướt qua trang đầu, lời chân thành cảm tạ sự đóng góp . Sang trang hai , phụ chú hình bìa là Thủ khoa K19, TĐ4TQLC đã hy sinh tại chiến trường Bình Giã 03/1965 . Anh thanh niên bấm vào chữ Bình Giã , dòng chữ giải thích đơn giản : tỉnh lỵ tại Việt Nam. Anh bấm vào chữ TĐ4TQLC = tiểu đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến.

*Trong lá thư toà soạn người thanh niên tô đậm đoạn : “**Nhận được ĐH 69 trên tay, khi có đôi chút thư nhàn trong ngày, trong tuần, xin mời quý huynh đệ, quý bạn, quý phu nhân, lắng đọng tâm***

tư, giở từng trang, đọc từng bài, xem từng hình, để cùng nhớ về Trường Mẹ, Bạn Cũ, Thầy Xưa .”

Màn hình cho những con số như sau ; Phát hành 3000 số, chi phiếu ủng hộ 300 . Nơi phát hành : San José , nhân sự 468, hoạt động 138 , nòng cốt 20 .

Trang vẫn mở , những hình ảnh được rọi lớn , sắc nét . Anh ngắm nghía những khuôn mặt trẻ trung , tâm sĩ quan . Ngắm nghía doanh trại, ngắm nghía từng hình ảnh để liên kết lại thành một cuộn phim sống động , học hành , luyện tập , bằng bắp thịt con người và bằng đầu óc. Những hình ảnh này, với anh là một kỳ công của thượng đế, kỳ công của nhân loại . Đã một thời con người Việt Nam , dân tộc Việt Nam đã làm được như thế . Những khuôn mặt trẻ, trẻ như anh hiện giờ, thay vì dùng ngón tay cái để bấm những cái nút nhỏ sai khiến máy móc , họ đã phải làm thay máy , họ đã phải bò lê bò lết, lôi kéo nhau , cùng đứng , cùng đi. Những cái đầu cúi trên trang sách , để học, để nhớ thay cho bộ nhớ của máy vi tính , và trong số họ, những hình ảnh người đã chết trẻ vì chiến tranh có nhiều quá. Thời đại của anh bây giờ chiến tranh giữa các vì sao, dùng toàn người máy.

Anh đang đọc từng con chữ trên màn hình có đầy đủ dữ kiện lấy ra từ máy vi tính . Anh có thể tìm ra những số liệu tạm đủ từ những hàng số 0001-00001. Người ta đã không còn cầm trên tay quyển sách nào cả từ năm 2053 , giữ được quyển Đa Hiệu 69 còn mới nguyên quả là một kỳ công của người siêu tâm.

Anh tìm ra rằng , muốn có một quyển sách vào năm 2003, người chủ bút phải dùng điện thoại gọi đến những người còn muốn viết, xin bài để đăng . Năm ấy đã có máy vi tính, đã có những hộp điện thư, nhưng nhiều người vẫn chưa muốn sử dụng . Khi có được bài viết , vị chủ bút phải đọc kỹ từng câu chữ, xem có phù hợp với tôn chỉ của tờ báo không ? Tôn chỉ được đăng trên trang thứ hai của tờ báo . Người chủ bút là ai ? Người chủ bút là người được chủ nhiệm mời hợp tác. Có

bao nhiêu người muốn được làm chủ bút ? . Khi đã có bài viết , người chủ bút chọn bài, tìm kiếm hình ảnh, sắp xếp bài vở, cho vào CD, sau đó mang đến nhà in. Khi in xong lại mang những thùng báo về nhà . Một người chịu trách nhiệm tổng phát hành. Phát hành ra sao ? Anh thanh niên lại loay hoay tìm trong những dữ kiện liên hệ . Phát hành báo được thực hiện trong một nhà để xe, đủ rộng cho khoảng 20 người gồm quý huynh đệ, quý phu nhân và thế hệ con cháu tụ họp, họ cùng nhau để báo vào bao thơ, chia từng vùng để dán tem, sau đó cho vào bao mang ra bưu điện gửi đi . Lại phải có một nhân vật lo lắng sổ sách chi thu, cập nhật địa chỉ, tổng kết báo cáo chi thu , bấm vào máy tính anh có con số rất khiêm nhường cho một tờ báo ra mỗi ba tháng .., đó là việc làm của anh Tri sự.

Thanh niên vừa đọc tới mục tin vui, tin buồn trên trang báo thì anh nhận ra tên ông Cố của anh. Tên ông nội của anh được in đậm , chúc mừng thành gia thất . Hình ảnh của ông cố được lưu truyền và gìn giữ trang trọng trong một cd gia bảo . Tất cả những hình ảnh tựa tựa như những hình ảnh anh vừa mở trong trang báo .

Anh tìm ra rằng, trong năm 2003 số Đa Hiệu 69, được 30 phần trăm phụ nữ được gọi là quý phu nhân đọc, 5 phần trăm là con cháu của quý huynh đệ đọc, và 40 phần trăm được đọc từ quý huynh đệ và quý bạn . Số còn lại vẫn trong bao bì bưu điện . Lý do không mở, không đọc vì đã biết nội dung, không có thì giờ theo thống kê thăm dò .

Bối cảnh năm 2003 của cộng đồng tị nạn Việt Nam trên đất Mỹ . Văn thơ được xuất bản nhiều, tỷ lệ người đọc ít . Trên các mạng vì tính bài viết nhan nhản , nhà văn viết cho nhà văn đọc , nhà thơ viết cho nhà thơ ngâm nga . Con cái hội nhập vào xã hội Mỹ đọc ít , họa hoằn , không hiểu . Người cao niên mắt kém, thôi không đọc, mở truyền hình xem phim bộ . Người trung niên lo đi làm, giờ giải trí trên mạng lưới thông tin là những diễn đàn Việt Nam tha hồ viết không sợ vi phạm

*tôn chỉ , những phòng liên lạc toàn cầu tha hồ tâm tình tán
ngẫu, ngay cả tán tỉnh lẫn nhau, không có khuôn mặt nào lộ
diện nếu không muốn . Sách vẫn phát hành vì còn luyến tiếc
đĩ vãng xa xôi của ngày nào. Giai đoạn giao thời giữa vi tính
hoá và sách vở .*

*Anh thanh niên vẫn tiếp tục đọc những dữ kiện, anh mở
không ngừng nghỉ, những dữ kiện anh muốn biết về một thời
điểm cách anh một trăm năm. Thời của Ông Cố, Ông nội của
anh, thời của một trang sử chiến tranh đẫm máu, thời của hơn
một triệu người Việt Nam tỵ nạn Cộng Sản đến Hiệp Chúng
Quốc Hoa Kỳ...*

*Mở nhanh hơn,, nhanh hơn. Chiếc máy điều khiển từ xa
nhỏ trong lòng bàn tay anh bốc khói, trên màn hình trắng
bỗng có dấu đi ngược và xóa dữ kiện, anh hốt hoảng kêu thất
thanh Help !Help !*

